

Tăng đoàn và vấn đề thọ dụng cúng dường

ISSN: 2734-9195 14:05 04/03/2026

Một xã hội không thể ai cũng đi tu, không thể ai cũng làm chính trị, và không thể ai ai cũng đi bán hàng,... thiếu một vai trò, mất xích xã hội đứt gãy, xã hội sẽ sụp đổ. Đức Phật chưa bao giờ bảo cả nhân loại hãy đều cạo đầu, mặc y, xuất gia.

Phần I. Câu chuyện về cư sĩ Cấp Cô Độc và Đức Phật

Cấp Cô Độc là một vị trưởng giả có gia tài đồ sộ ở kinh đô Xá Vệ của vương quốc Kiều Tát La, miền Bắc Ấn Độ. Ông trên thật là Tu Đạt (Sudatta), vì thường hay chu cấp giúp đỡ cho những kẻ khốn khó, cô đơn, cho nên mọi người đã kính mến và tặng cho ông biệt hiệu là Cấp Cô Độc, có nghĩa là “người cứu giúp kẻ nghèo khó và cô độc”.

Tu Đạt có người anh vợ là một thương gia giàu có ở tại thành Vương Xá. Mỗi khi có việc sang đây, ông đều trú tại nhà người anh vợ này. Một hôm đến đây, Tu Đạt thấy ông anh vợ đang bận rộn tít tít sửa soạn một bữa tiệc lớn cho ngày mai. Ông hỏi thăm thì người anh vợ nói:

- Ngày mai anh cung thỉnh Phật và chư vị tỳ kheo đệ tử của Ngài đến thọ trai tại nhà.

Mới nghe tiếng “Phật” từ chính miệng ông anh vợ nói ra. Tu Đạt bỗng thấy lòng nẩy sinh niềm hứng thú lạ thường. Ông yêu cầu người anh vợ nói thêm rõ ràng về bậc giác ngộ cho ông nghe. Nhân cơ hội đó, người anh vợ đã nói cho Tu Đạt biết về tư cách, đức độ và trí tuệ siêu việt của đức Phật. Chính ông đã được nghe Phật nói pháp và được làm đệ tử tại gia của Ngài. Ông cũng đã được Ngài cho phép dựng lên sáu mươi am thất nhỏ rải rác trong tu viện Trúc Lâm để cúng dường chư tăng.



Ảnh minh họa, sưu tầm

Sau khi gặp Phật, ông tự giới thiệu mình và xin Phật dạy cho ông về đạo lí. Đó là một buổi sáng tại Tu viện Trúc Lâm, sau khi mùa an cư lần thứ ba của Phật chấm dứt. Ông liền trở về Xá Vệ để tìm địa điểm xây cất tu viện. Ông đã đi quan sát nhiều nơi chung quanh kinh thành, nhưng đều không ưng ý. Bấy giờ, thái tử Kỳ Đà (Jeta) của nước Kiều Tát La, có một khu vườn cây nằm sát kinh thành, do vua cha là Ba Tư Nặc ban cho. Nơi đó rộng rãi, thanh tịnh, phong cảnh tươi đẹp, u nhã, thật là một địa điểm thích hợp để lập tu viện. Cư sĩ Tu Đạt vừa ý lắm, bèn vào hoàng cung xin gặp thái tử để thương lượng mua lại. Gặp thái tử, ông trình bày ước muốn của mình là được mua khu vườn cây của thái tử để xây cất tu viện cúng dường đức Phật và giáo đoàn của Ngài, làm cơ sở tu học và hoằng pháp. Thái tử nói đùa:

- Khu vườn ấy là của phụ hoàng cho tôi. Tôi quý nó như vàng. Nếu ông có thể đem vàng ròng trải kín đầy mặt đất khắp khu vườn thì tôi mới chịu bán nó cho ông.

Nhưng Tu Đạt thì cho đó là lời nói nghiêm túc, bèn trả lời:

- Thưa vâng. Sáng mai tôi sẽ chở vàng tới và làm đúng theo điều kiện của thái tử vừa đưa ra.

Thật là bất ngờ! Thái tử giật mình kinh ngạc:

- Tôi chỉ nói đùa thôi mà, chứ khu vườn đó tôi không muốn bán đâu. Ông đừng chở vàng tới!

Nhưng trưởng giả vẫn nghiêm trang:

- Thừa thái tử! Ngài là bậc vương giả. Ngài đã nói điều gì thì điều ấy không thể chối bỏ được.

Thái tử đành nhượng bộ, nhưng trong lòng vẫn mong cho Tu Đạt không có đủ vàng để ông khỏi mất khu vườn. Không để cho thái tử có thì giờ nói thêm lời gì, Tu Đạt vội vã cáo từ.

Sáng hôm sau, khi thái tử ra đến khu vườn thì đã thấy vàng của Tu Đạt đã chở tới rồi, và gia nhân của ông đang lót vàng trên mặt đất vườn. Thái tử chứng kiến cảnh tượng lót vàng mà càng lúc càng cảm thấy kì lạ. Thái tử linh cảm đây không phải là chuyện bình thường. Ông trưởng giả chịu bỏ ra từng đồng vàng một cách không tiếc rẻ để chỉ mua một khu vườn cây chỉ giá trị giải trí chứ không có lợi tức gì thiết thực cả như thế này, thực ra là vì chuyện gì? Như vậy, con người mà ông trưởng giả gọi là “Phật” đó, chắc chắn phải là một nhân vật ghê gớm lắm! Lúc ấy vàng đã được trải gần kín hết khu vườn, và Tu Đạt thì đang đứng nhìn những gốc cây có vẻ tư lự. Thái tử đến vỗ vai Tu Đạt, hỏi:

- Ông đang suy nghĩ gì mà không tiếp tục lót cho hết vàng? Ông muốn thay đổi ý kiến chăng?

Tu Đạt giật mình, vội trả lời:

- Không phải vậy, tôi đang suy nghĩ xem làm sao mà trải vàng lấp được những gốc cây. Khó quá!

Rồi thái tử xin ông nói cho nghe về đức Phật và giáo đoàn của Ngài, xem có gì đặc biệt. Mắt Tu Đạt bỗng sáng lên vì hãnh diện. Ông bắt đầu nói về tư cách, đạo đức và trí tuệ vượt bậc của Phật, về giáo pháp mà Phật đã dạy cho ông, và về đời sống thanh cao, phạm hạnh của giáo đoàn. Thái tử nghe những điều ông nói, cũng cảm thấy hứng khởi trong lòng, liền đề nghị:

- Thôi, lót vàng như thế cũng đủ rồi, đừng suy nghĩ nữa. Théo đất trống còn lại, và tất cả cây trong vườn, tôi xin cúng dường Phật, gọi là xin đóng góp chút ít vào công trình cao đẹp của ông. Cứ coi như là ông cúng đất và tôi cúng cây để xây tu viện. Được một người như thái tử thấu hiểu và thật tâm ủng hộ mình, Tu Đạt hân hoan không xiết kể. Từ đó, khu vườn được gọi tên là “Vườn Cấp Cô Độc với cây của Kỳ Đà”.

Thế là địa điểm đã có, cư sĩ Tu Đạt lập tức trở lại thành Vương Xá để trình lên Phật biết, và xin Phật ban cho ý kiến về việc xây cất tu viện. Đức Phật đã phái tôn giả Xá Lợi Phất cùng đi Xá Vệ với Tu Đạt để trông nom công việc xây cất.

Đến Xá Vệ, tôn giả Xá Lợi Phất trú ngay tại khu vườn cho tiện việc điều động công tác. Buổi tối tôn giả thường nói pháp ngay tại khu vườn. Số người nghe pháp ngày càng đông, Phật chưa đến mà Phật pháp đã được dân chúng hâm mộ.

Bốn tháng sau thì công tác kiến thiết hoàn tất. Tu viện có tịnh thất của Phật, có tăng, xá, thiền đường, giảng đường, nhà dưỡng bệnh, nhà tắm, hồ nước, đường thiền hành... coi như là đầy đủ tiện nghi, và có vẻ bề thế hơn cả tu viện Trúc Lâm. Tu viện được gọi bằng nhiều tên: Kỳ Viên, Kỳ Hoàn, Cấp Cô Độc, hay Kỳ Thọ Cấp Cô Độc.

Tôn giả Xá Lợi Phất trở về Vương Xá thỉnh Phật và tăng chúng sang Xá Vệ. Trong khi đó, cư sĩ Cấp Cô Độc và thái tử Kỳ Đà thì lo chuẩn bị mọi thứ hoàn hảo để nghênh đón Phật và giáo đoàn.

Cư sĩ và thái tử hướng dẫn Phật và giáo đoàn về thẳng tu viện Kỳ Viên. Thấy cơ sở được kiến thiết một cách chu đáo, Phật ngỏ lời khen ngợi công đức cúng dường của Tu Đạt.

Kỳ Viên là trung tâm tu học và hành đạo to lớn được xây cất sau tu viện Trúc Lâm. Đức Phật đã trải qua mùa an cư thứ tư tại đây. Từ mùa an cư thứ hai mươi, do được chư tăng cung thỉnh, mỗi năm cứ tới mùa mưa, Ngài lại về an cư tại Xá Vệ. Tổng cộng, tại tu viện này, đức Phật đã an cư cả bảy mươi chín lần. Phần lớn các kinh điển cũng đã được Phật thuyết tại đây. Trưởng giả Cấp Cô Độc thường là đối tượng để Phật nói các bài pháp dành cho hàng cư sĩ.

Có thể nói, Cấp Cô Độc đã đến tu viện hàng ngày để thăm Phật và học hỏi. Đạo tâm của ông thực là kiên cố. Cả gia đình ông đều là những Phật tử thuần thành. Vợ ông là một người nội trợ hiền lương đạo đức. Ba cô con gái đều có tâm đạo nhiệt thành. Cậu con trai út ban đầu không thích đi chùa nghe pháp, hạnh kiểm không được tốt lắm, nhưng nhờ sự dạy dỗ khéo léo của cha mẹ, cậu cũng chịu nghe lời Phật dạy, và trở nên một người mẫu mực."

Phần II. Tăng đoàn và vấn đề thọ dụng cúng dường

Trong lịch sử Phật giáo thời đức Thế Tôn, một trong những sự kiện tiêu biểu phản ánh mối quan hệ giữa đời sống xuất thế và xã hội thế tục chính là việc cư sĩ Cấp Cô Độc phát tâm mua khu vườn của thái tử Kỳ Đà để xây dựng tịnh xá Kỳ Viên cúng dường đức Phật và Tăng đoàn.

Hình ảnh "trải vàng kín đất" từ lâu đã trở thành biểu tượng của lòng thành kính sâu xa, của sự phát tâm lớn lao và của một nền văn hóa tôn trọng đời sống xuất

thế.

Tuy nhiên, từ câu chuyện này cũng đặt ra nhiều vấn đề cần được nhìn nhận thấu đáo: Việc Tăng đoàn thọ nhận một cơ sở vật chất quy mô có ảnh hưởng gì đến đạo hạnh hay không? Người tu sĩ có nên gắn bó với những công trình lớn như thế? Cơ sở vật chất có làm tổn hại đến lý tưởng giải thoát? Và mối quan hệ giữa người làm kinh tế và người làm đạo nên được hiểu như thế nào?



Ảnh minh họa: Cuộc gặp gỡ giữa đức Phật và ông Cấp Cô Độc, sư tử tâm

1. Tăng đoàn thọ nhận cúng dường lớn lao nhưng không tổn hại đạo đức

Một trong những tà kiến phổ biến là đánh giá một cá nhân tu hành, một tổ chức, Tăng đoàn thoái hóa, hư hỏng bởi vì có quá nhiều điều kiện vật chất xoay quanh như chùa to, tự viện rộng lớn, phương tiện đời sống chất lượng cao,... Cách nhìn này xuất phát từ việc đồng nhất vật chất với sa đọa, hợp nhất sự nghèo khổ như là điều kiện tiên quyết của thanh tịnh.

Tuy nhiên, trong giáo pháp của đức Phật, đạo đức không được định nghĩa bởi sự thiếu thốn vật chất, mà bởi sự thanh tịnh của tâm, không bị dính mắc bởi thứ người đời vẫn dính mắc. Một người khổ hạnh cực đoan trở nên sân hận vì không được khen ngợi thứ khổ hạnh mình làm được thì vẫn giống như một cá thể bình thường trong xã hội, chỉ khác nhau về đối tượng khởi sân mà thôi. Một người sống trong tịnh xá đầy đủ tiện nghi nhưng không dính mắc, không chiếm hữu, thọ dụng đúng mục đích, sử dụng điều kiện mình có cho sự tu tập, chứng ngộ điều gì chia sẻ cho chúng sinh, góp phần cân bằng tâm lý xã hội thì không đáng

bị lên án.

Kỳ Viên tịnh xá không phải là nơi hưởng thụ. Đó là trung tâm tu học, nơi hàng trăm vị Tỳ-kheo cùng thực hành. Phần lớn các kinh điển quan trọng đã được thuyết giảng tại đây. Điều này cho thấy, thay vì làm suy yếu lý tưởng tu hành, cơ sở vật chất hợp lý đã trở thành nền tảng để giáo pháp được truyền bá rộng rãi và bền vững, là điều kiện Tăng đoàn có thể phát triển. Hãy đặt giả dụ như thời đức Phật tại thế, người dân rất cung kính Tịnh xá và thường xuyên ghé tới, sau vài nghìn năm, các vị tu sĩ khác thọ dụng nhưng không hoằng truyền giáo pháp, chỉ hưởng lạc, người dân trở nên căm phẫn. Như vậy, Tịnh xá đáng khen ngợi hay đáng phê phán? Tịnh xá không có lỗi, Tịnh xá là địa điểm vô tri, được con người xây lên và tự gán cho nó cái tên “Tịnh xá”, tự đính kèm cho nó là nơi hoạt động Phật giáo. Lỗi hay không lỗi, ca ngợi hay chê bai, là ở người đang thọ dụng trực tiếp. Chùa chiền, phương tiện sống ngày nay cũng vậy.

Nếu chỉ nhìn vào hình ảnh “trái vàng kín đất” mà kết luận rằng đây là biểu hiện của xa hoa, đó là cái nhìn dừng lại ở hiện tượng. Cốt lõi của câu chuyện nằm ở tinh thần hiến dâng và sự sử dụng đúng mục đích.

2. Có trú xứ ổn định mới duy trì được đời sống tu học bền vững

Thời kỳ đầu, các vị Tỳ-kheo theo đức Phật phần lớn sống đời du hành. Tuy nhiên, khi số lượng tăng chúng ngày càng đông, nhu cầu đào tạo, học tập và truyền thừa giáo pháp đòi hỏi một không gian ổn định. An cư mùa mưa chính là một minh chứng cho sự cần thiết của trú xứ. Ba tháng an cư chính là một cách tránh việc làm khổ đệ tử, làm khổ mình khi phải di chuyển, xin ăn trong thời tiết mưa gió, hiểm nguy.

Kỳ Viên trở thành trung tâm đào tạo Tăng tài. Tại đây, những vị Tỳ-kheo trẻ được học giới luật, được nghe pháp, được rèn luyện trong môi trường thanh tịnh. Đức Phật đã an cư tại đây suốt nhiều mùa mưa, điều đó cho thấy chính Ngài cũng xem đây là môi trường thích hợp cho việc giáo dục và hướng dẫn.

Một Tăng đoàn chỉ tồn tại bằng du phương sẽ không thể xây dựng hệ thống giáo dục bền vững. Cơ sở vật chất không phải là mục tiêu, nhưng là phương tiện không thể thiếu cho sự tồn tại của một thiết chế giáo dục lâu dài.

3. Sự cân bằng giữa đạo đức và kinh tế trong cấu trúc xã hội

Câu chuyện Cấp Cô Độc cho thấy một cấu trúc xã hội cân bằng khi mỗi người trong đời mang 1 vai trò khác nhau, người ở góc A cần làm tốt góc A, chứ không phải lên án và hỏi rằng người góc B có làm tốt việc ở góc A hay không, vì người góc B có vai trò ở góc B và sẽ cần làm tốt vai trò ở góc B. Người làm kinh tế chia sẻ kinh tế với người tu đạo, và người học đạo nuôi dưỡng đời sống tinh thần của xã hội.

Cấp Cô Độc là một thương gia thành đạt. Ông không từ bỏ kinh tế để đi tu. Khi đến và thỉnh cầu lời dạy từ Phật, ông chưa bao giờ bị yêu cầu phải buông bỏ tài sản để trở nên “thanh tịnh”. Ngược lại, tài sản của ông trở thành phương tiện hộ trì Tam bảo. Sự giàu có của ông không bị lên án; điều quan trọng là cách ông sử dụng sự giàu có ấy.

Người tu sĩ không trực tiếp sản xuất của cải vật chất. Nhưng họ đem lại cái nhìn trực diện về một con người biết buông xả, cân bằng giá trị đạo đức và trí tuệ, những yếu tố giữ cho xã hội không rơi vào hỗn loạn. Một xã hội không thể ai cũng đi tu, không thể ai cũng làm chính trị, và không thể ai ai cũng đi bán hàng,... thiếu một vai trò, mắt xích xã hội đứt gãy, xã hội sẽ sụp đổ. Đức Phật chưa bao giờ bảo cả nhân loại hãy đều cạo đầu, mặc y, xuất gia. Đức Phật đưa ra những phương pháp phù hợp cho từng cá nhân, từng đời sống để chúng ta sống tốt nhất đời ta mà không vướng mắc.

Chính vì vậy, mối quan hệ giữa cư sĩ và Tăng đoàn là mối quan hệ cộng sinh lành mạnh. Cư sĩ cúng dường vật chất, Tăng đoàn là minh chứng của giáo lý. Đó không phải là sự trao đổi thương mại; đó là sự tương hỗ trong cấu trúc xã hội.

4. Đức Phật không cực đoan, không tách khỏi xã hội nhưng vẫn giữ trọn phẩm hạnh

Một điểm đáng chú ý là đức Phật không tránh né vua chúa hay giới trưởng giả giàu có. Ngài thân thiết với vua Ba Tư Nặc, với các thương gia, với nhiều nhân vật quyền lực đương thời. Ngài trú tại tịnh xá được cúng dường, không khước từ điều kiện vật chất hợp lý.



Ảnh minh họa, sưu tầm

Tuy nhiên, việc thân cận với quyền lực và sự giàu sang không làm Ngài suy đồi đạo đức. Ngài vẫn giảng pháp thẳng thắn, vẫn phê bình sai lầm nếu có, vẫn giữ đời sống giải thoát không mắc kẹt. Chính các vị vua và trưởng giả là những người ngợi ca phẩm hạnh, đạo đức và trí tuệ của Ngài khi nói về Ngài. Họ chia sẻ về vị Phật có “tư cách, đạo đức, trí tuệ, phẩm hạnh”, chứ chưa có một vị nào nhắc tới Ngài là vị Phật vì có đời sống “kham khổ, nghèo nàn, đói kém, khước từ vật cúng dường”.

Điều này cho thấy không thể đánh giá một tu sĩ chỉ dựa trên môi trường vật chất quanh họ. Một ngôi chùa lớn không tự động biến vị trụ trì thành người tham cầu. Một tịnh xá rộng không đồng nghĩa với buông thả sự tu hành. Nếu nhìn đức Phật trú tại Kỳ Viên mà kết luận rằng Ngài “xa rời đời sống khát sĩ”, đó là sự nhìn nhận phiến diện. Nếu đánh đồng tu là phải thực hành cụ thể cực đoan 1 pháp môn nào, đó là 1 chiều. Ngài vẫn giữ tinh thần trung đạo không khổ hạnh cực đoan, không hưởng thụ buông lung.

5. Đề cao người Phật tử cúng dường dựa trên nhận thức phẩm hạnh

Điểm cuối cùng cần nhấn mạnh là sự cúng dường của Cấp Cô Độc không xuất phát từ mù quáng. Ông đã lắng nghe, đã quan sát, đã nhận ra phẩm hạnh và trí tuệ của đức Phật trước khi phát tâm lớn lao như vậy.

Điều này dạy chúng ta rằng sự cúng dường phải dựa trên trí tuệ. Người Phật tử không nên chỉ nhìn bề ngoài như chùa lớn hay nhỏ, vị tu sĩ ăn mặc thế nào, phương tiện sống ra làm sao, mà phải nhìn vào cách ứng xử, giới hạnh của vị

đó.

Khi sự kính trọng dựa trên nhận thức đúng đắn, việc cúng dường trở thành hành động xây dựng xã hội, chứ không phải sự tôn sùng mù quáng. Chính nhờ những cư sĩ như Cấp Cô Độc mà giáo pháp được bảo tồn và lan truyền suốt hàng nghìn năm.

Kết luận

Từ câu chuyện cư sĩ Cấp Cô Độc hiến tặng tịnh xá Kỳ Viên cho đức Phật và Tăng đoàn, chúng ta có thể rút ra một thông điệp vẫn còn nguyên giá trị cho thời đại hôm nay:

Đừng nhìn đạo Phật qua lớp vỏ hiện tượng, và cũng đừng cúng dường bằng tâm lý cảm tính.

Ngày nay, khi xã hội phát triển, cơ sở vật chất của nhiều tự viện cũng thay đổi theo. Có những ngôi chùa lớn, những trung tâm hoàng pháp quy mô, những phương tiện hiện đại phục vụ cho giáo dục, sinh hoạt, đi lại, truyền thông,... Nhưng chỉ nhìn kích thước ngôi chùa hay điều kiện sinh hoạt của tu sĩ rồi vội vàng kết luận về đạo đức, hoặc lớn hơn là quy chụp cả một tổ chức, cả tăng đoàn là một cách nhìn phiến diện. Vật chất tự thân không mang đạo đức hay vô đạo đức; cách con người sử dụng nó mới là điều quyết định.

Người cư sĩ hiện đại cần học nơi Cấp Cô Độc một tinh thần cúng dường có chọn lọc và có trí tuệ. Không phải thấy hình thức hào nhoáng là kính trọng, cũng không phải thấy thiếu thốn là mặc nhiên cho rằng thanh tịnh. Cúng dường nên xuất phát từ sự quan sát phẩm hạnh, từ sự hiểu biết giáo pháp, từ việc tự thân học hỏi, tìm hiểu, trao đổi, chứ không phải dựa trên phong trào hay cảm xúc nhất thời. Cúng dường đúng chỗ là góp phần nuôi dưỡng một môi trường đạo đức cho xã hội. Cúng dường sai chỗ có thể vô tình nuôi dưỡng sự lệch lạc.

Đồng thời, người cư sĩ cũng cần tránh một thái cực khác: định kiến và nghi ngờ cực đoan. Chỉ vì nhìn thấy một tu sĩ sống trong điều kiện vật chất tương đối đầy đủ mà cho rằng vị ấy tham đắm là một sự áp đặt thiếu công bằng. Đánh giá một người tu phải dựa vào giới hạnh, vào lời nói, vào sự lợi ích thực tế mà họ mang lại cho cộng đồng.

Về phía người xuất gia hôm nay, câu chuyện Kỳ Viên cũng là một lời nhắc nhở sâu sắc. Sự cúng dường của cư sĩ là niềm tin được gửi gắm. Niềm tin ấy nếu không được đáp lại bằng sự tu tập chân thật, bằng giáo pháp đúng đắn và bằng đời sống mẫu mực, thì sớm muộn cũng sẽ bị tổn thương. Cơ sở vật chất có thể

duy trì bằng tiền bạc, nhưng uy tín của Tăng đoàn chỉ được duy trì bằng đạo hạnh.

Cuối cùng, xã hội muốn bền vững cần có sự cân bằng giữa kinh tế và đạo đức. Người làm kinh tế nuôi dưỡng thân thể xã hội; người tu đạo nuôi dưỡng tâm hồn xã hội. Khi hai bên tôn trọng vai trò của nhau, hỗ trợ nhau đúng mực và không vượt quá giới hạn đạo lý, xã hội sẽ ổn định.

Cư sĩ Phúc Quang

Tài liệu:

1. Cư sĩ Cấp Cô Độc: Người đã vẽ nên một bức tranh nhân đạo sinh động, Nguyên tác Hán Văn: Tinh Vân Pháp Sư - Việt dịch: Cư Sĩ Hạnh Cơ, đăng tải tại đây.
2. Sử tích Tu Đà Cấp Cô Độc, Anh ngữ: HELLMUTH HECKER, Dịch giả: Nguyễn Điều, đăng tải tại đây.